TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
T PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39**/2019/HS-ST
Ngày: 28/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, T PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Bà Lê Thị Phước Mãng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, T phố Hồ Chí Minh.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, T phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, T phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lương Chí T**; Sinh ngày: 17/9/1980; Tại: T phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 36/7 đường HTQ, Phường O, Quận E, T phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chạy xe Honda ôm; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Huê B và bà: Đặng Mỹ H; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2019.

Nhân thân:

- Ngày 07/12/2004, bị Tòa án nhân dân T phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 2060/HSST), bị cáo kháng cáo và ngày 23/3/2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao tại T phố Hồ Chí Minh xử giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 388/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009 (Giấy chứng nhận đặc xá số: 280/GCNĐX của Trại giam Tống Lê Chân).

- Ngày 28/6/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 11, T phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giật tài sản» (Bản án số: 79/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/02/2014 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 307/GCN-CHXHPT của Trại giam Thạnh Hòa).

(có mặt)

2. **Lê Thị D**; Sinh ngày: 24/8/1984; Tại: Tỉnh Nghệ An; Thường trú: 11/3B ấp TL xã BĐ, huyện HM, T phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân T1 (chết) và bà: Nguyễn Thị H1; Có chồng: Là ông Trang Thu N và con: Có 01 người con, sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 18/01/2019.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Lữ Minh H; Sinh năm: 1985; Thường trú: A9/16M ấp A, xã TK, huyện BC, T phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A3/9L ấp A, xã TK, huyện BC, T phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 18/01/2019, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 6 phát hiện Lương Chí T đang điều khiển xe gắn máy biển số 59N2-491.63 chở Lê Thị D chạy đến trước nhà số 617 đường HB, Phường F, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và đã thu giữ dưới đất ngay chỗ T đứng 01 gói nylon bên trong chứa chất bột màu trắng (T khai là Heroine), nên đã giao T, D cùng vật chứng nêu trên cho Công an Phường F, Quận F giải quyết. Tại trụ sở Công an Phường F, qua kiểm tra còn phát hiện thu giữ trong túi quần bên phải của D 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (D khai là ma túy đá). Vụ việc được chuyển giao Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Chí T, Lê Thị D khai: Khoảng 09 giờ ngày 18/01/2019, T điều khiển xe gắn máy biển số 59N2-491.63 qua khu vực hẻm Bột Mì, Quận 8 mua 01 gói Heroine giá 400.000 đồng và 01 bịch ma túy đá giá 300.000 đồng từ một người phụ nữ (không rõ lai lịch). Sau khi mua xong, T đem về nhà lấy một ít Heroine ra sử dụng, số còn lại T cất vào túi quần. Đến 11 giờ cùng ngày, T qua Quận 11 đón D qua nhà T chơi. Sau đó, T lấy một ít ma túy đá ra cùng D sử dụng, số ma túy đá còn lại D lấy cất trong túi quần. Đến 17 giờ cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy biển số 59N2-491.63 chở D qua Quận 11 chơi game, nhưng khi chạy đến trước nhà số 617 đường HB thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 448/KLGĐ-H ngày 22 tháng 01 năm 2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an T phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Tấn Phương (Điều tra viên), Kim Minh Tấn (người chứng kiến), Lương Chí T và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6 cần giám định

là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3465g (không phẩy ba bốn sáu năm gam), loại Heroine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Tấn Phương (Điều tra viên), Kim Minh Tấn (người chứng kiến), Lê Thị D và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1956g (không phẩy một chín năm sáu gam), loại Methamphetamine.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Lương Chí T, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 49/CT-VKS ngày 03 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, T phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D đều khai nhận chính các bị cáo, đã thực hiện hành vi cất giữ Heroine và ma túy tổng hợp (loại ma túy đá) để sử dụng và bị Công an phát hiện bắt quả tang vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 18/01/2019 tại trước nhà số 617 đường HB, Phường F, Quận F như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lương Chí T từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Lê Thị D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy biển số 59N2-491.63, số khung RLHHC1215DY-297084, số máy HC12E-5297302 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Bạc Đen, dung tích 97).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lương Chí T và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6; 01 gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lê Thị D và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6.

Trả lại bị cáo Lương Chí T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu vàng (màn hình bị nứt bể), số Imei 1: 354021/08/999198/6, số Imei 2: 354022/08/999198/4; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 353678086333545, số Imei 2: 353678086333552 (bên trong có 01 sim điện thoại Vinaphone, seri hàng 1: 89840) và số tiền 300.000 đồng.

Trả lại bị cáo Lê Thị D 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (đã qua sử dụng), số Imei: 351538060416488 (bên trong có 01 sim điện thoại 4G, số seri: 8984050918; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel, vỏ màu trắng, số Imei 1: 357217051097722, số Imei 2: 357217051357225 (bên trong có 02 sim điện, số seri: 8401, 8984).

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D đều cho rằng trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối cH lời khai của các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ tang vật, Kết luận giám định, lời khai của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lương Chí T đã mua và cất giữ 0,5421 gam ma túy ở thể rắn (trong có 0,3465 gam loại Heroine và 0,1956 gam loại Methamphetamine), bị cáo Lê Thị D đã cất giữ 0,1956 gam ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) đều nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi này của các bị cáo không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D đều là những người đã trưởng T, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, với bị cáo Lương Chí T là người bỏ tiền ra và trực tiếp đi mua ma túy về rủ rê bị cáo Lê Thị D sử dụng.

[4] Bản thân bị cáo Lương Chí T có nhân thân xấu, đó là ngày 07/12/2004, bị Tòa án nhân dân T phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Cướp giật tài sản», bị cáo kháng cáo và ngày 23/3/2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao tại T phố Hồ Chí Minh xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; ngày 28/6/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 04 năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Mặc dù lần phạm tội này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở T người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D là nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Heroine, Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ T khẩn khai báo. Riêng bị cáo Lê Thị D phạm tội lần đầu, chưa có tiền án - tiền sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 59N2-491.63 mà bị cáo Lương Chí T dùng làm phương tiện phạm tội, theo Kết luận giám định số: 2919/KLGĐ-X(Đ6) ngày 19/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T phố Hồ Chí Minh (BL52) và PH trả lời xác minh ngày 25/02/2019 của Công an Quận 6 (BL55) thì chiếc xe này có số khung RLHHC1215DY-297084, số máy HC12E-

5297302 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Bạc Đen, dung tích 97), đứng tên chủ xe là ông Lữ Minh H. Tháng 02/2015 ông H đã bán chiếc xe lại cho người khác (không nhớ bán cho ai), nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và ông H xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này. Ngày 08/4/2019, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ hữu của chiếc xe gắn máy biển số 59N2-491.63 trên Báo Công an T phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn bị cáo Lương Chí T khai mua chiếc xe này vào khoảng tháng 7/2018 với giá 11.500.000 đồng tại một cửa hàng mua bán xe trên đường LBB (không xác định được địa chỉ). Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 59N2-491.63 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

Riêng 01 gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lương Chí T và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6 và 01 gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lê Thị D và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6, là vật cấm lưu hành, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Còn 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu vàng (màn hình bị nứt bể), số Imei 1: 354021/08/999198/6, số Imei 2: 354022/08/999198/4; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 353678086333545, số Imei 2: 353678086333552 (bên trong có 01 sim điện thoại Vinaphone, seri hàng 1: 89840) và số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Lương Chí T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (đã qua sử dụng), số Imei: 351538060416488 (bên trong có 01 sim điện thoại 4G, số seri: 8984050918; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Viettel, vỏ màu trắng, số Imei 1: 357217051097722, số Imei 2: 357217051357225 (bên trong có 02 sim điện, số seri: 8401, 8984) thu giữ của bị cáo Lê Thị D. Tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho các bị cáo vì không đủ căn cứ xác định các bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo hai PH nhập kho vật chứng số: 09/PNK ngày 01 tháng 02 năm 2019; số: 20/PNK ngày 01 tháng 3 năm 2019 và Giấy nộp tiền vào tài khoản số: 06/2018 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Công an Quận 6 - BL60, 61, 62)

[8] Đối với người phụ nữ mà bị cáo Lương Chí T khai bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Lương Chí T**, **Lê Thị D** phạm tội: «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lương Chí T** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị D** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59N2-491.63, số khung RLHHC1215DY-297084, số máy HC12E-5297302 (loại xe hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Bạc Đen, dung tích 97), nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lương

Chí T và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6; 01 (một) gói có chứa ma túy đã được niêm phong, bên ngoài có ghi vụ số: 448/19 Q6, có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Mạnh Cường, cán bộ điều tra Võ Văn Thải, người chứng kiến Kim Minh Tấn, Lê Thị D và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Lương Chí T 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu vàng (màn hình bị nứt bể), số Imei 1: 354021/08/999198/6, số Imei 2: 354022/08/999198/4; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imei 1: 353678086333545, số Imei 2: 353678086333552; 01 (một) sim điện thoại Vinaphone, seri hàng 1: 89840 và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Lê Thị D 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, vỏ màu trắng (đã qua sử dụng), số Imei: 351538060416488; 01 (một) sim điện thoại 4G, số seri: 8984050918; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Viettel, vỏ màu trắng, số Imei 1: 357217051097722, số Imei 2: 357217051357225; 02 (hai) sim điện, số seri: 8401, 8984.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Lương Chí T, Lê Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên